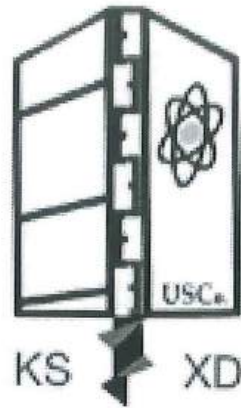


**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**



*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2004, đăng ký thay đổi ngày 15/5/2023)*  
*Địa chỉ: Số nhà 91 phố Phùng Hưng - Phường Hàng Mã*  
*Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội - Việt Nam*

*Điện thoại: 02438252725; Fax: 02438245708; Website: <http://www.usco.vn>*

**Hà Nội, tháng 3 năm 2025**

Số: 126 /2025/BCTN/KSXĐ

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG-USCO - NĂM 2024**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG-USCO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: *Số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2004, đăng ký thay đổi ngày 15/5/2023.*
- Vốn điều lệ: *55.000.000.000 đồng*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: *55.000.000.000 đồng*
- Địa chỉ: *Số 91 Phùng Hưng, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.*
- Số điện thoại: *(84-24). 38252725*
- Số fax: *(84-24). 38245708*
- Website: *<http://www.usco.vn>. <http://www.usco.com.vn>*
- Mã cổ phiếu (nếu có): **USC**

***Quá trình hình thành và phát triển***

Công ty cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO, được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng. Trước tháng 7/2006, Công ty trực thuộc Bộ Xây dựng, từ ngày 21/7/2006 Công ty trực thuộc Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam-CTCP thuộc Bộ Xây dựng. Tiền thân của Công ty là Viện Khảo sát địa chất trực thuộc Bộ Kiến trúc (Nay là Bộ Xây dựng) được thành lập ngày 06/10/1960 theo Quyết định số 746/BKT ngày 06/10/1960 của Bộ Kiến trúc.

**Ngày 14/4/1964** được chuyển Viện Khảo sát địa chất thành Viện Khảo sát đo đạc trực thuộc Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) theo Quyết định số 415/BKT ngày 14/4/1964 của Bộ Kiến trúc.

**Từ 30/5/1975** chuyển Viện Khảo sát đo đạc thành Công ty Khảo sát đo đạc trực thuộc Bộ theo Quyết định số 292/BXD ngày 30/5/1975 Bộ Xây dựng.

**Từ tháng 8/1976** chia tách Công ty Khảo sát đo đạc thành 2 Công ty: Công ty Khảo sát Vật liệu xây dựng và Công ty Khảo sát đo đạc.

**Từ 07/7/1978** thành lập Liên hiệp các xí nghiệp Khảo sát xây dựng trên cơ sở hợp nhất hai Công ty (Khảo sát vật liệu xây dựng và Khảo sát đo đạc) theo Quyết định số 1187/BXD-TCCB ngày 07/7/1978 của Bộ Xây dựng. Tên tiếng Anh là Union of Survey Companies, tên viết tắt là USCO.

**Từ 06/01/1996** thành lập Công ty Tư vấn Khảo sát đo đạc trên cơ sở chấm dứt hoạt động của Liên hiệp các xí nghiệp khảo sát xây dựng theo Quyết định số 17/BXD-TCLĐ ngày 06/01/1996 của Bộ Xây dựng.

**Từ 19/3/1997** đổi tên Công ty Tư vấn Khảo sát và đo đạc thành Công ty Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 166/BXD-TCLĐ ngày 19/3/1997 của Bộ Xây dựng.

**Từ 11/5/2004** chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 11/QĐ-BXD ngày 11/5/2004 của Bộ Xây dựng.

**Từ 04/10/2004** sửa đổi tên đầy đủ Công ty TNHH một thành viên Khảo sát và Xây dựng thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 1546/QĐ-BXD ngày 04/10/2004 của Bộ Xây dựng.

**Từ ngày 21/7/2006** Chuyển Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng sang trực thuộc Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam, Bộ Xây dựng theo Quyết định số 1061/QĐ-BXD ngày 21/7/2006 của Bộ Xây dựng.

**Ngày 26/9/2014**, Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng thành công ty cổ phần theo quyết định số 1190/QĐ-BXD và được điều chỉnh bởi Quyết định 1526/QĐ-BXD ngày 23/12/2014 của Bộ Xây dựng.

**Ngày 10/12/2014**, Công ty đã tổ chức thành công bán đấu giá lần đầu ra bên ngoài tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trong đó:

- Số cổ phần đưa ra đấu giá: 1.618.500 cổ phần
- Giá khởi điểm: 10.100 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần bán được 1.618.500 cổ phần
- Giá đấu thành công bình quân: 10.111 đồng/cổ phần
- Tổng số nhà đầu tư trúng giá: 24 NĐT
- Tổng giá trị cổ phần bán được: 16.364.950.000 đồng

**Ngày 31/12/2014**, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

**Ngày 12/01/2015**, Công ty TNHH Một thành viên Khảo sát và Xây dựng được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107123, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 55.000.000.000 đồng.

**Ngày 8/12/2016**, Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8055/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

**Ngày 5/01/2017**, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 07/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 5.500.000 cổ phiếu.

**Ngày 6/02/2017**, Công ty chính thức đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường UPCOM.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

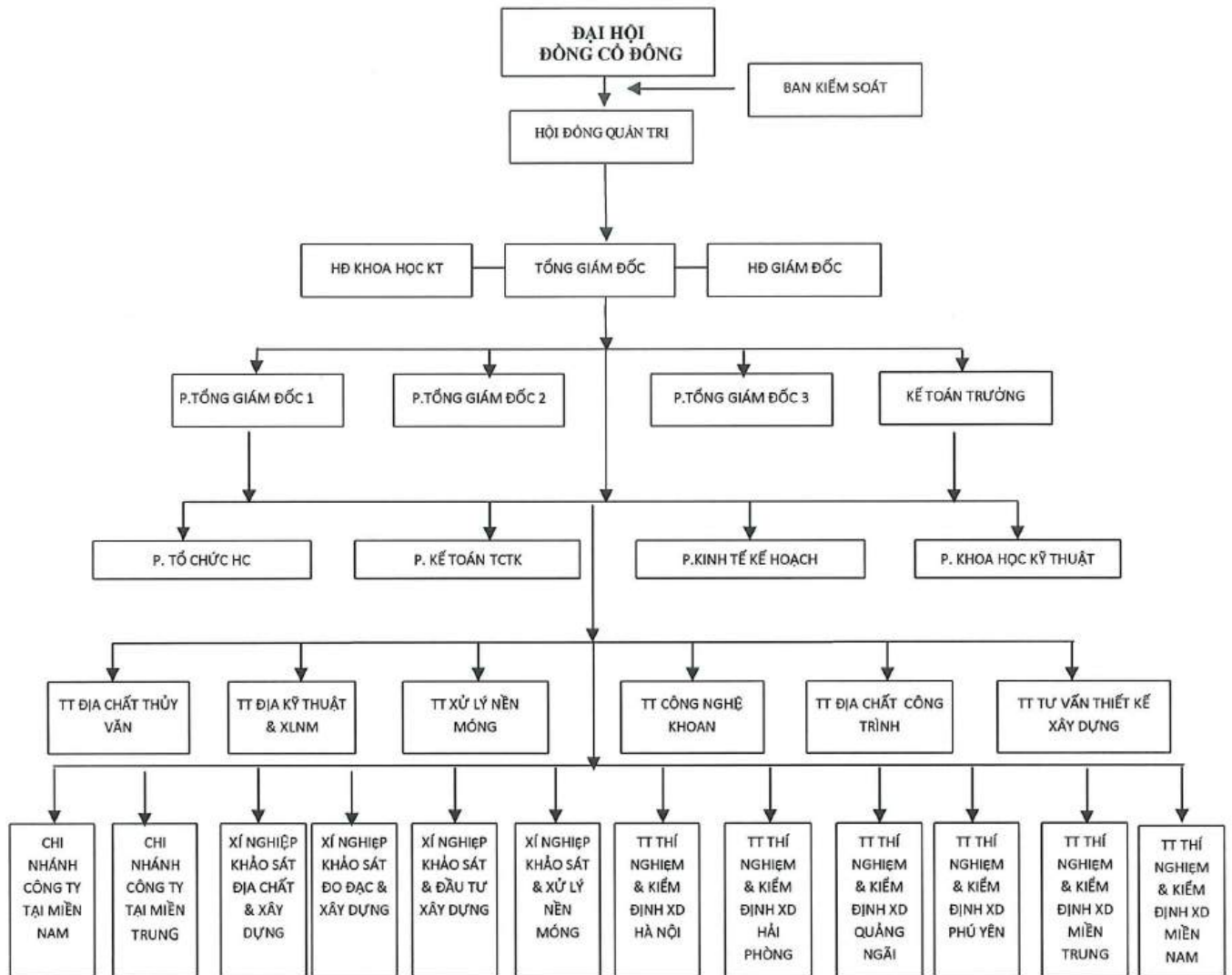
- Tư vấn khảo sát, thiết kế và xây lắp cho các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, cấp nước, thoát nước và môi trường; Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò VLXD, đo đạc địa hình, thăm dò các mỏ kim loại, xử lý nền móng các công trình xây dựng; đầu tư các dự án bất động sản; Tư vấn xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng và công tác thí nghiệm. Cụ thể như sau:

- Thiết kế công trình khai thác mỏ lộ thiên;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, dân cư;
- Thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng công trình
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính;
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng.

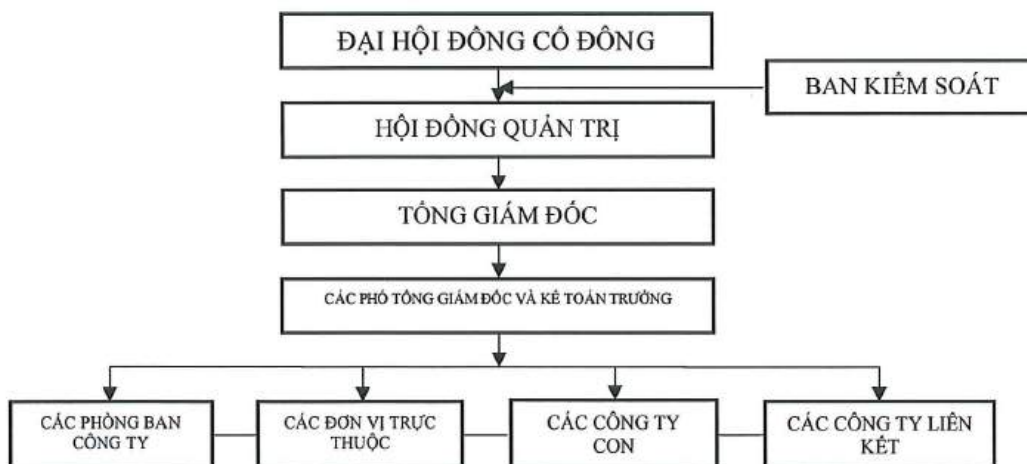
- Thiết kế các công trình thoát nước và xử lý nước thải.
- Địa bàn kinh doanh: Hiện tại Công ty cung cấp dịch vụ trên địa bàn khắp cả nước.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu tổ chức – quản lý Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO



+ Cơ cấu bộ máy quản lý:



**Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

**Tổng Giám đốc:** Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

**Phó Tổng Giám đốc:** Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty theo sự phân công hoặc ủy quyền của Tổng Giám đốc.

**Kế toán trưởng:** Kế toán trưởng phụ trách thực hiện công tác tài chính, kế toán thống kê của Công ty.

**Các phòng ban chức năng Công ty:** Thực hiện các chức năng quản lý theo nhiệm vụ được phân công, bao gồm:

- Phòng Tổ chức Hành chính.
- Phòng Kế toán tài chính thống kê.
- Phòng Kinh tế Kế hoạch.
- Phòng Khoa học kỹ thuật.
- Ban Quản lý dự án.

**Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty:** Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh gồm các Trung tâm:

- Trung tâm Địa chất thủy văn
- Trung tâm Địa chất công trình
- Trung tâm Địa kỹ thuật xử lý nền móng.
- Trung tâm Công nghệ khoan
- Trung tâm Xử lý nền móng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế xây dựng

Hiện nay, Công ty có 12 đơn vị thành viên là các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, có con dấu và tài khoản riêng. Các đơn vị trực thuộc của Công ty hiện có trụ sở nằm trên nhiều địa phương trong cả nước.

#### **4. Định hướng phát triển**

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO, lấy những lĩnh vực truyền thống như Khảo sát Địa chất công trình, Địa chất thủy văn, Thăm dò VLXD, thăm dò các mỏ khoáng sản, Đo đạc địa hình, Đo đạc công trình, Thí nghiệm vật liệu kiểm định công trình là chính, mở rộng các lĩnh vực khác như Xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, Xử lý nền móng các công trình xây dựng; Đầu tư các dự án bất động sản trên cơ sở tiềm năng sẵn có của Công ty.

#### **5. Các rủi ro:**

- Rủi ro về lãi suất: Trong năm, lãi suất ngân hàng biến động cả chiều huy động và chiều cho vay. Công ty chỉ vay ngân hàng số lượng không nhiều ít ảnh hưởng bởi lãi suất.

- Rủi ro về lạm phát: Tình hình lạm phát trong năm qua không ổn định, giá cả thép, bê tông, nhiên liệu, bột bentonit, mũi khoan, cần khoan, ống chống, giấy in, mực in, giá nhân công biến động tăng gây ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- Rủi ro về tăng trưởng kinh tế: Nền kinh tế nói chung có phục hồi nhưng tăng trưởng chậm. Mặt khác, khảo sát địa chất, khảo sát vùng nguyên liệu cho các nhà máy xi măng là lĩnh vực hoạt động chính mang lại doanh thu, lợi nhuận lớn cho công ty thì hiện nay Nhà nước đang hạn chế đầu tư nên công ty gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm công ăn việc làm.

- Rủi ro về ngành nghề: Công ty vẫn coi khảo sát địa chất, địa hình, khoan thăm dò nguồn nguyên liệu, thí nghiệm mẫu, thí nghiệm vật liệu... là thế mạnh chủ lực. Tuy nhiên, hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp mở thêm các ngành nghề này nên giá cả rất thấp tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt vì vậy thị trường của công ty bị càng thu hẹp. Ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cũng như đời sống của người lao động trong công ty.

- Rủi ro về chậm thanh toán của bên A, Công ty đang đẩy mạnh lĩnh vực thi công xây dựng công trình dân dụng, xử lý khoan cọc nhồi... Do vậy việc chậm thanh toán của bên A cũng gây rủi ro về dòng tiền, lãi suất vay ngân hàng và lợi nhuận của Công ty.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **a, Đánh giá chung**

Thực hiện Nghị quyết số 13/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Ngay từ những ngày đầu năm, Ban lãnh đạo Công ty đã triển khai các biện pháp quyết liệt nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ kế hoạch năm. Cán bộ lãnh đạo Công ty, thủ trưởng các Phòng ban, các đơn vị trực thuộc đều phải quán triệt một tinh thần cao nhất đó là hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra, thể hiện những điểm chính sau:

1. Phấn đấu để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính năm 2024.

2. Tình hình tài chính lành mạnh đảm bảo thanh khoản tốt. Chú trọng thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền lương, thuế và các khoản nợ.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh, đúng các quy định về công tác quản lý tài chính; chấp hành tốt các luật thuế, luật bảo hiểm, luật lao động ... (tuy nhiên một số Chi nhánh do doanh thu thấp đã thực hiện chưa tốt, còn nợ đọng).

4. Nguồn vốn của doanh nghiệp được bảo toàn và phát triển, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước. Chế độ, đời sống, thu nhập của Người lao động được ổn định.

5. Tăng cường công tác thu hồi công nợ, công tác kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, bảo đảm chất lượng công trình xây dựng và chống thất thoát, lãng phí, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất.

6. Công tác kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty đã được thực hiện đồng bộ, thường xuyên ở các phòng ban và các đơn vị trực thuộc. Năm 2024 Công ty đã

triển khai công tác quy hoạch, sắp xếp, miễn nhiệm, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại một số cán bộ cấp Công ty và các Chi nhánh. Các đồng chí được bổ nhiệm đã từng bước nắm bắt công tác quản lý, tiếp cận thị trường để ổn định điều hành, phát triển sản xuất.

7. Công tác quản trị: Xây dựng hoàn thiện và triển khai tốt các quy chế quản lý, nội quy, quy định nội bộ. Phân công và giao nhiệm vụ cho mỗi cấp rõ ràng, đúng chức trách nhiệm vụ, công tác tổ chức nhân sự ở các phòng và các chi nhánh của Công ty được đánh giá nghiêm túc đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

8. Hệ thống các văn bản, quy định, quy trình được triển khai theo đúng quy định của. Liên tục cập nhật và phổ biến kịp thời các chế độ chính sách mới ban hành của Nhà nước, quy định của Pháp luật nhằm đáp ứng kịp thời đáp ứng công tác quản lý và điều hành sản xuất.

9. Theo dõi bám sát các hướng dẫn của Chính phủ và Thành phố đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

b, Những nét chính về kết quả kinh doanh năm 2024

+ Thuận lợi

- Thương hiệu USCO trong các lĩnh vực sản xuất truyền thống như: Khảo sát thăm dò tài nguyên; ĐCCT; ĐCTV; khảo sát địa hình; xử lý nền móng; Tư vấn kiểm định vật liệu, công trình xây dựng... vẫn được khẳng định và được đánh giá cao trên thị trường.

- Tập thể CBCNV trong toàn Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết một lòng, gắn bó, chia sẻ những khó khăn, phát huy sáng kiến trong sản xuất để từng bước vượt qua thách thức.

+ Khó khăn

Lĩnh vực hoạt động chính của USCO là thăm dò mỏ vật liệu, ĐCCT, ĐCTV, khai thác nước ngầm, đo đạc bản đồ, thí nghiệm kiểm định giá trị hợp đồng nhỏ, số công trình giảm. Lĩnh vực khảo sát ĐCCT, Đo đạc bản đồ bị giảm sút do hoạt động đầu tư bất động sản vẫn trong tình trạng đóng băng. Các nhà máy xi măng trong những năm gần đây và dự báo trong những năm tiếp theo không được xây mới do không còn nguồn mỏ vật liệu cung cấp để sản xuất, cung vượt quá cầu, do đó công việc thăm dò mỏ là mảng đem đến doanh thu, lợi nhuận lớn cho USCO những năm trước đây sụt giảm mạnh. Lĩnh vực khoan khai thác nước sinh hoạt cũng bị thu hẹp do chủ trương của Chính phủ hạn chế khai thác nước ngầm, ưu tiên xử lý nguồn nước mặt phục vụ sinh hoạt. Các dự án xây lắp đơn giá thấp do phải đấu thầu cạnh tranh về giá, thiết bị, máy xây dựng thiếu, tiềm ẩn nhiều rủi ro về vốn, dòng tiền dùng cho sản xuất eo hẹp, áp lực lãi vay tài chính lớn. Những khó khăn trên đã ảnh hưởng trực tiếp tới việc làm, thu nhập của người lao động và làm giảm lợi nhuận của Công ty.

## **2 - Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024**

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn, đặc biệt là lĩnh vực xây dựng. Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất đạt như sau:

## 2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện KH 2024
1	Tổng giá trị SXKD	Tr.đg	115.000	101.101	88%
2	Doanh thu (không thuế VAT)	Tr.đg	106.000	84.756	80%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đg	2.200	1.030	47%
4	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	%	3,9%	1,8%	
5	Tổng các khoản nộp Ngân sách	Tr.đg	5.000	6.000	126%
6	Lao động và thu nhập				
6.1	Lao động sử dụng b/quân trong năm	Người		161	
6.2	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr.đg	7,50	7,62	102%

## 2.2 . Một số công trình, dự án tiêu biểu đã thực hiện trong năm 2024.

### Lĩnh vực khảo sát thăm dò mỏ:

+ Khảo sát lập đề án thăm dò, xin giấy phép thăm dò, thi công thăm dò và phê duyệt trữ lượng, lập hồ sơ; xin giấy phép khai thác mỏ đá vôi Phú Thành huyện Lạc Thủy và mỏ sét Bảo Hiệu huyện Yên Thủy tỉnh Hòa Bình.

+ Khảo sát bổ sung để đo vẽ địa hình; lập đề án thăm dò; khoan thăm dò; phân tích mẫu; lập báo cáo trình phê duyệt trữ lượng mỏ sét; Lập báo cáo đầu tư; thiết kế cơ sở khai thác; Lập hồ sơ xin giấy phép khai thác mỏ sét làm nguyên liệu xi măng tại khu vực Thành Tâm, Thành An - Nhà máy xi măng Long Sơn.

+ Khảo sát bổ sung để đo vẽ địa hình; lập đề án thăm dò; khoan thăm dò; phân tích mẫu; lập báo cáo trình phê duyệt trữ lượng mỏ sét; Lập báo cáo đầu tư; thiết kế cơ sở khai thác; Lập hồ sơ xin giấy phép khai thác mỏ sét làm nguyên liệu xi măng tại khu vực Hà Long - Nhà máy xi măng Long Sơn.

+ Khảo sát bổ sung để đo vẽ địa hình; lập đề án thăm dò; khoan thăm dò; phân tích mẫu; lập báo cáo trình phê duyệt trữ lượng mỏ sét; Lập báo cáo đầu tư; thiết kế cơ sở khai thác; Lập hồ sơ xin giấy phép khai thác mỏ sét làm nguyên liệu xi măng tại khu vực Ba Đình – Nhà máy xi măng Long Sơn.

+ Khảo sát bổ sung để đo vẽ địa hình; lập đề án thăm dò; khoan thăm dò; phân tích mẫu; lập báo cáo trình phê duyệt trữ lượng mỏ phiến sét đen; Lập báo cáo đầu tư; thiết kế cơ sở khai thác; Lập hồ sơ xin giấy phép khai thác mỏ sét làm nguyên liệu xi măng tại khu vực Thanh Kỳ - Trạm nghiền xi măng Long Sơn.

+ Lập hồ sơ xin thăm dò tại UBND tỉnh; lập đề án thăm dò trình UBND tỉnh; thi công thăm dò phân tích mẫu; lập báo cáo kết quả thăm dò để trình phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi khoáng 19,7ha; Lập hồ sơ xin giấy phép khai thác mỏ tại UBND tỉnh; Lập báo cáo dự án đầu tư XDCB và thiết kế cơ sở; Trình hồ sơ xin giấy phép khai thác mỏ tại UBND tỉnh.



+ Lập hồ sơ xin thăm dò tại UBND tỉnh; lập đề án thăm dò trình UBND tỉnh; thi công thăm dò phân tích mẫu; lập báo cáo kết quả thăm dò để trình phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi khoảng 21,6 ha; Lập hồ sơ xin giấy phép khai thác mỏ tại UBND tỉnh; Lập báo cáo dự án đầu tư XD CB và thiết kế cơ sở; Trình hồ sơ xin giấy phép khai thác mỏ tại UBND tỉnh.

#### ***Lĩnh vực Thăm dò thủy văn***

+ Khoan và xây dựng 02 giếng khai thác nước ngầm tại xã Vân Tảo và xã Hồng Vân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

+ Khoan thăm dò kết hợp khai thác nước dưới đất công suất 552m<sup>3</sup>/ ngày tại cụm CN Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

+ Khoan thay thế giếng khoan nước dưới đất tại KCN Hòa Phát.

+ Công tác xin giấy phép và khoan giếng khoan khai thác nước dưới đất tại Tuyên Quang.

+ Khoan thăm dò, khai thác, đánh giá trữ lượng-chất lượng nước và xin cấp phép khai thác dự án Xuân Sơn Farmstay.

#### ***Lĩnh vực cọc nhồi – xây lắp***

+ Thi công xây dựng dự án xây dựng nhà ở liên kết thương mại Phố Xanh – Gói thầu thi công công trình nhà ở thấp tầng tại Xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

+ Thi công cọc đại trà– Cọc khoan nhồi dự án Khu nhà ở cao tầng trên lô đất CT-01-Khu đô thị sinh thái Dream City.

+ Thi công cọc thử – Cọc khoan nhồi dự án Khu chung cư cao tầng trên lô đất quy hoạch CT-01-Khu đô thị sinh thái Dream City (1,38 tỷ)

+ Thi công cọc khoan nhồi, tường vây Khách sạn MBeach Hotel Đà Nẵng (8,1 tỷ).

+ Thi công cọc khoan nhồi thí nghiệm và đại trà dự án XD khách sạn 5 sao tại Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng.

#### ***Lĩnh vực thí nghiệm hiện trường:***

+ Thí nghiệm kiểm tra chất lượng xây dựng công trình – dự án Thủy điện Trà Khúc 2.

+ Thí nghiệm kiểm tra chất lượng xây dựng công trình – Dự án thủy điện Đak Đrinh 2.

#### ***Lĩnh vực quan trắc công trình***

+ Quan trắc đo biến dạng công trình, xây dựng dự án TKN-06.23 lô B8, khu trụ sở bộ ngành Trung ương tại Khu Tây Hồ Tây, Hà Nội.

+ Quan trắc đo biến dạng công trình dự án ĐTXD ô đất K8-HH1 tại khu đô thị Tây Hồ Tây.

+ Quan trắc lún, nghiên cứu dự án TKN-06.23 của Cục kỹ thuật nghiệp vụ Bộ Công An.

#### ***Lĩnh vực khảo sát địa chất công trình***

+ Khảo sát địa chất công trình, thủy văn dự án Điện Gió Yên Dũng - Bắc Giang.

+ Khảo sát địa chất dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu vực 1 thành phố Quy Nhơn.

+ Tư vấn KSXĐ và lập báo cáo NC khả thi khu chung cư Tạ Quang Bửu, Bình Hàn, Hải Dương.

- + Khảo sát địa chất dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN hỗ trợ Đồng Văn III.
- + Khảo sát địa chất dự án Đầu tư xây dựng Trường đại học khoa học tự nhiên (QG-HN07) (Đầu tư Zone 1, Zone 2, Zone 3).
- + Khảo sát địa chất dự án Xây dựng đơn nguyên khám chữa bệnh chất lượng cao của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.
- + Khảo sát địa chất dự án tận dụng nhiệt ký thải để phát điện Nhà máy Xi măng Hoàng Mai.
- + Khoan khảo sát địa chất công trình, dự án " Xây dựng nhà ở cao tầng để bán đối với Ô đất A3/CT2, tại phường Phúc Đồng, Việt Hưng, Long Biên, HN.
- + Khoan khảo sát địa chất công trình, dự án: Khu CC Tạ Quang Bửu, phường Bình Hàn, TP Hải Dương.
- + Khảo sát địa chất Khu đô thị Cầu Rào Hải Phòng.
- + Khảo sát địa chất phục vụ dự án Khởi các Viện nghiên cứu Nhân văn.
- + Khảo sát địa chất phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế bản vẽ thi công Dự án Trụ sở làm việc Huyện Ủy, HĐND và UBND huyện Phú Bình.
- + Viện nghiên cứu y dược học lâm sàng DNC của bệnh viện đại học Nam Cần Thơ.

**Lĩnh vực khảo sát địa hình**

- + Khảo sát lập bản đồ địa hình và lập đồ án Quy hoạch điều chỉnh và mở rộng quy hoạch chung thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ đến năm 2035: 927 triệu
- + Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị Quán Hàu.
- + Đo vẽ lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng, thống kê, kiểm kê trữ lượng mỏ đá hoa Mông Sơn VII xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.
- + Tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình.

**3. Tổ chức và nhân sự**

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Ngọc Sang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
4	Vũ Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành:

<b>1. Ông: Nguyễn Trọng Thoáng</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	07/5/1972
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	034072000031
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 91 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại	0913517422
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ XDCT Thủy
- Quá trình công tác:	

<b>1. Ông: Nguyễn Trọng Thoáng</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc</b>
+ Từ tháng 10/1996 – 7/2004	Thí nghiệm viên – TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 8/2004 – 12/2009	Phó Giám đốc - TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 01/2010 – 8/2011	Giám đốc – TT Thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 9/2011 - 11/2012	Phó Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và xây dựng kiêm Giám đốc – TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 11/2012 - 7/2013	Phó Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và xây dựng
+ 8/2013 – 12/2014	Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và xây dựng
+ 01/2015 – nay	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Khảo sát và xây dựng - USCO
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân nắm giữ	1.411.600 cổ phần, chiếm 25,67% VDL. Trong đó: - Cổ phần sở hữu cá nhân là 36.700 CP chiếm 0,67% VDL - Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam – CTCP: 1.374.900 CP chiếm 25% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

<b>2. Ông: Trần Ngọc Sang</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	23/3/1967
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	037067000035
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	C11-136 Hồ Tùng Mậu – Phú Diễn - Bắc Từ Liêm - HN
-Điện thoại:	0987666889
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Địa chất công trình
- Quá trình công tác:	
+ Từ tháng 01/1997 đến tháng 10/2005	Công tác tại Công ty Tư vấn Xây dựng dân dụng Việt Nam
+ Từ tháng 01/2006 đến tháng 10/2009	Phó giám đốc XN Khảo sát và KĐXD, Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam
+ Từ tháng 11/2009 đến tháng	Giám đốc Trung tâm Địa kỹ thuật và Xử lý nền móng –

7/2010	Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng
+ Từ 08/8/2010 đến 31/12/2014	Phó tổng giám đốc Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO
+ Từ 01/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân nắm giữ	40.084 cổ phần, chiếm 0,72% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

<b>3. Ông: Trần Minh Đức</b>	<b>Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	27/8/1977
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	001077001468
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	P302, E6 Phương Mai, Đống Đa, Thành Phố Hà Nội
-Điện thoại:	0983525060
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Địa chất
- Quá trình công tác:	
+ 1/2001 đến tháng 10/2006	Cán bộ kỹ thuật phòng Khoa học kỹ thuật – Công ty Khảo sát và Xây Dựng
+ Từ tháng 11/2006 đến tháng 05/2013	Phó trưởng phòng khoa học kỹ thuật – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng
+ Từ tháng 05/2013 đến tháng 12/2014	Phó trưởng phòng phụ trách phòng khoa học kỹ thuật- Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng
+ Từ tháng 01/2015 đến tháng 05/2015	Phó trưởng phòng phụ trách phòng khoa học kỹ thuật - Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng – USCO
+ Từ 05/2015 đến 03/2017	Trưởng phòng khoa học kỹ thuật – Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO
+ Từ 01/04/2017 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO kiêm trưởng phòng Khoa học kỹ thuật.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Tổng giám đốc công ty kiêm trưởng phòng KHKT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân nắm giữ	1.900 cổ phần, chiếm 0.03% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không

<b>3. Ông: Trần Minh Đức</b>	<b>Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc</b>
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

<b>4. Bà Vũ Thị Thanh Huyền</b>	<b>Chức vụ: Kế toán trưởng</b>
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	04/3/1979
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	025179000435
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	P.504C TT Vật liệu Điện, P. Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại	04-39232011
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:	
+ 11/2003 – 9/2010	Nhân viên Phòng Kế toán tài chính thống kê Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng
+ 10/2010 – 3/2015	Phó phòng Kế toán tài chính thống kê Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng nay là Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO
+ Từ tháng 4/2015	Kế toán trưởng Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần nắm giữ	5.276 cổ phần chiếm 0,096% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

**Số lượng cán bộ, nhân viên: (thời điểm 31/12/2024)**

Nội dung	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Phân loại theo thời hạn hợp đồng</b>		
Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	0	
Người đại diện phần vốn của Cty tại Cty Liên kết		
Hợp đồng không xác định thời hạn (A)	153	
Hợp đồng thời hạn từ 1 đến 3 năm (B)	4	
Lao động dưới 1 năm	0	
<b>Phân loại theo trình độ lao động</b>		
Trên đại học	14	
Kỹ sư, cử nhân	94	

Cao đẳng, Trung cấp	19	
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật, Lao động phổ thông	30	
<b>Phân loại theo giới tính</b>		
Nam	111	
Nữ	46	
<b>Phân loại theo độ tuổi lao động</b>		
Dưới 26	0	
Từ 26 – 30	5	
Từ 31- 50	120	
Từ 51 – 60	32	
<b>Phân loại theo địa điểm</b>		
Khối cơ quan Công ty	44	
Tại chi nhánh ( <i>đơn vị trực thuộc</i> )	113	
Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty LK ( <i>Cty Cổ phần SDC – USCO</i> )		

- USCO có nguồn nhân lực với chất lượng cao, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và lao động có trình độ đại học và trên đại học. Với ngành nghề kinh doanh chủ yếu là tư vấn Khảo sát phục vụ cho xây dựng, USCO luôn đặt mục tiêu là doanh nghiệp khoa học - sản xuất và có những điểm mạnh sau:

- Cơ cấu đội ngũ lao động tương đối phù hợp về trình độ (theo các cấp độ đào tạo khác nhau phù hợp với công việc đảm nhận) và về kinh nghiệm làm việc.

- Đội ngũ cán bộ được đào tạo tương đối bài bản, có kiến thức và kỹ năng tốt về các lĩnh vực công ty đang hoạt động.

- Hầu hết cán bộ, công nhân viên đều có tâm huyết, gắn bó với Công ty với 97,4% tổng số lao động có hợp đồng không xác định thời hạn. Các cán bộ công nhân viên trong Công ty đều có ý thức xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh, chấp hành tốt kỷ luật lao động, có kỹ năng làm việc tốt.

- Về lao động và trình độ lao động: hiện tại, Công ty có 157 người; trong đó:

+ 111 nam; 46 nữ, cán bộ trên đại học, chiếm 8,9 % /tổng lao động của Công ty. 94 cán bộ đại học, chiếm 59,8 % /tổng lao động của Công ty

+ 59 cán bộ cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông, chiếm 37,5 % / tổng lao động của Công ty

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp: Hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho CBCNV tham gia tập huấn, cập nhật các chế độ, chính sách mới, cập nhật công nghệ mới, đào tạo nâng lương, nâng bậc ... Công ty đã xây dựng hệ thống thang, bảng lương và đã được phòng Lao động thương binh và xã hội Quận Hoàn Kiếm chấp thuận áp dụng.

#### **4. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng của Công ty:**

+ Dự án số 5 Lạc Long Quân: USCO đã góp vốn 20 tỷ vào công ty CP số 5 Lạc Long Quân theo quy định để thực hiện dự án, Dự án đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, hiện đã thi công cọc thí nghiệm nhưng phải tạm dừng do chưa

được cấp phép xây dựng (bị vướng bởi Nghị định 167/2017, ND67/2021 và các quy định khác của TP Hà Nội). USCO cùng đối tác tiếp tục theo dõi chờ hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước để hoàn thiện thủ tục pháp lý.

+ Dự án tại thôn Tứ Kỳ, Văn Điền, Thanh Trì, Hà Nội: Dự án đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, chưa được cấp phép xây dựng (bị vướng bởi Nghị định 167/2017 và ND 67/2021 và các quy định khác của TP Hà Nội). USCO cùng đối tác tiếp tục theo dõi chờ hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước để hoàn thiện các thủ tục pháp lý.

+ Dự án 303 Trịnh Đình Trọng tại TP HCM: UBND TP HCM đã xin ý kiến Bộ Tài Chính và Bộ Xây dựng về việc thu hồi khu đất này. Ngày 17/10/2017 Bộ tài chính ban hành văn bản số 13945/BTC-QLCS gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc: xem xét quyết định thu hồi đất tại số 303 đường Trịnh Đình Trọng, phường Phú Trung, quận Tân Phú và thực hiện việc giao đất, cho thuê đất đối với đất đã thu hồi để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai. Ngày 10/4/2020 Bộ xây dựng ban hành văn bản số 1665/BXD-KHTC gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh thống nhất với ý kiến của Bộ tài chính tại văn bản số 13945/BTC-QLCS ngày 17/10/2017. Hiện Công ty đang quản lý làm kho chứa thiết bị máy móc.

+ Dự án 226 Trịnh Đình Trọng, TP Hồ Chí Minh: Hiện đã ký hợp đồng thuê đơn vị tư vấn thiết kế, lập dự toán đầu tư và đang triển khai hồ sơ xin cấp phép xây dựng nhà văn phòng cho 02 đơn vị tại TP HCM. Việc chưa được TP Hà Nội, TP HCM giao đất để thực hiện các dự án theo kế hoạch đã gây áp lực đóng thuế đất hàng năm của Công ty, ảnh hưởng xấu đến lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

## 5. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài chính (đơn vị tính đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	191.463.161.833	188.651.727.312	-1,5%
Doanh thu thuần	101.660.491.649	84.758.019.605	-16,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.156.634.028	1.477.850.966	+27,8%
Lợi nhuận khác	-78.979.974	-447.476.037	-466,6%
Lợi nhuận trước thuế	1.077.654.054	1.030.374.929	-4,4%
Lợi nhuận sau thuế	708.478.076	734.793.096	+3,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	85,39%	81%	0

### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,36	1,38	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			

(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)	1,07	1,05	
Nợ ngắn hạn			
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,7	0,69	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,35	2,29	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,13	2,01	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,53	0,45	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,007	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,012	0,013	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,004	0,004	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,011	0,02	

#### 6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phát hành: 5.500.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do của cổ đông: 5.279.200 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 220.800 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết

chứng khoán tại nước ngoài: Không có

##### b) Cơ cấu cổ đông:

- **Cơ cấu cổ đông:** ( Theo danh sách chốt cổ đông ngày 14/10/2024)

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I. Cổ đông trong nước</b>			
Tổ chức	1	3.176.600	57,76
Cá nhân	321	2.323.400	42,24
<b>II. Cổ đông nước ngoài</b>			
Tổ chức	0	0	0
Cá nhân	0	0	0
<b>III. Cổ phiếu quỹ</b>			
<b>Tổng</b>	<b>322</b>	<b>5.500.000</b>	<b>100</b>



• **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

STT	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ
1	Trần Linh Trang	001170008907	Số 08 ngõ Liên Trì, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	564.565	10,26%
2	Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	0100105278	Số 243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội.	3.176.600	57,76%
<b>Tổng cộng</b>				<b>3.741.165</b>	<b>68,02%</b>

• **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ:**

Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa và không có cổ đông sáng lập tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần (12/01/2015).

• **Công ty mẹ: Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP**

Địa chỉ : 243A Đê La Thành – P. Láng Thượng – Q. Đống Đa – Tp. Hà Nội.  
 Điện thoại : 84.4) 37 667 463 - 37 667 471  
 Giấy CNĐKDN : 0100105278 đăng ký lần đầu ngày 31/12/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 7/10/2016 .  
 Hoạt động kinh doanh chính : Tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  
 Vốn điều lệ : 357.744.480.000 đồng  
 Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2021 : 57,76%  
 Giá trị vốn góp : 31.766.000.000 đồng

• **Công ty con: Không có**

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Năm 2024, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Năm 2024, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: không có.

**7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**7.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

**7.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Công ty chủ yếu sử dụng điện phục vụ các hoạt động văn phòng tại Công ty và các chi nhánh, luôn luôn sử dụng tiết kiệm, hợp lý.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Ưu tiên sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, hạn chế sử dụng điện trong giờ cao điểm.

**7.3. Tiêu thụ nước:**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty chủ yếu sử dụng nguồn nước máy phục vụ các hoạt động văn phòng tại Công ty và các chi nhánh tiết kiệm, hợp lý.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.

**7.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

#### 7.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc là 157 người, mức lương trung bình đối với người lao động là 7,62 triệu đồng/ng/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đã ban hành và áp dụng thang bảng lương mới để đóng BHXH cho người lao động theo đúng quy định.

Thực hiện chế độ đóng BHXH, BHTN, BHYT đầy đủ (tuy nhiên ở một số đơn vị do khó khăn về vốn nên tình trạng nợ đọng bảo hiểm vẫn còn tồn tại).

Công đoàn Công ty luôn bám sát nhiệm vụ tập trung chỉ đạo các CĐCS trực thuộc thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch được giao. Các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành luôn bám sát cơ sở để chỉ đạo và tham gia tổ chức các phong trào thi đua sản xuất (nhất là ở các công trình trọng điểm có nhiều cán bộ, công nhân tại công trường).

Làm tốt công tác tư tưởng, tuyên truyền hiểu biết kiến thức pháp luật và các quy định của Nhà nước, của Công ty nên năm 2024 mặc dù việc làm, thu nhập của người lao động trong Công ty còn thấp nhưng toàn công ty không để xảy ra đình công, bãi công, khiếu kiện tập thể.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, mặc dù diễn biến phức tạp của dịch bệnh, các công đoàn cơ sở căn cứ vào điều kiện thực tế xây dựng một số hoạt động thiết thực nhằm xây dựng khối đoàn kết và động viên tinh thần chăm lo đời sống CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty thường xuyên tổ chức, cử đi tập huấn tại các lớp đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn cho đội ngũ cán bộ, công nhân nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật, tay nghề. VD hỗ trợ kinh phí cho CB đi học nâng cao trình độ chuyên môn (hỗ trợ học thạc sỹ), cử CB đi đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề, mở lớp tập huấn về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

- Tổ chức và đăng ký cho người lao động tham gia các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp, tổ chức tập huấn công tác ATLĐ và vệ sinh, phòng chống cháy nổ trên lớp cũng như ngoài hiện trường.

#### 7.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty vận động CBCNV quyên góp ủng hộ các quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào các tỉnh bị thiên tai, ủng hộ biển đảo, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động tri ân, đáp nghĩa luôn thực hiện thường xuyên hàng năm.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các lĩnh vực SXKD của Công ty vẫn chịu nhiều áp lực khó khăn, bên cạnh đó có sự cạnh tranh rất lớn, khốc liệt trên thị trường dẫn tới đơn giá bị giảm mạnh, khối lượng công việc phải thực hiện nhiều nhưng hiệu quả SXKD thấp. Công ty đã rất nỗ lực cố gắng để vượt qua khó khăn thử thách. Năm 2024 là năm nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn, đặc biệt là lĩnh vực xây dựng. Toàn thể CBCNV đã rất cố gắng thực hiện kế hoạch đề ra.

*Kết quả sản xuất kinh doanh ở các lĩnh vực: Xem tại mục II, mục 5. Tình hình hoạt động trong năm.*

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	MCT	TM	Số cuối kỳ 2024	Số đầu năm 2024
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>153.329.865.949</b>	<b>155.208.268.113</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.030.164.624</b>	<b>2.175.999.811</b>
1. Tiền	111		5.030.164.624	2.175.999.811
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	15.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>103.200.639.921</b>	<b>100.226.881.183</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		51.177.846.736	54.530.784.133
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.436.320.639	6.627.492.948
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		42.586.472.546	39.068.604.102
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>36.536.155.880</b>	<b>33.448.756.995</b>
1. Hàng tồn kho	141		36.536.155.880	33.448.756.995
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.562.905.524</b>	<b>4.356.630.124</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.301.215.179	1.367.626.206
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.859.159.577	2.617.083.530
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		402.530.768	371.920.388
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>35.321.861.363</b>	<b>36.254.893.720</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		100.000.000	100.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.184.723.498</b>	<b>10.062.381.681</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>		<b>8.128.338.698</b>	<b>9.005.996.881</b>
- Nguyên giá	222		61.067.436.275	61.067.436.275
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-52.939.097.577	-52.061.439.394
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		<b>1.056.384.800</b>	<b>1.056.384.800</b>
- Nguyên giá	228		1.056.384.800	1.056.384.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			



- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>40.615.000</b>	<b>40.615.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	40.615.000	40.615.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>20.375.000.000</b>	<b>20.375.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	20.000.000.000	20.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	375.000.000	375.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>5.621.522.865</b>	<b>5.676.897.039</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.621.522.865	5.676.897.039
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
5. Lợi thế thương mại	269		
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>188.651.727.312</b>	<b>191.463.161.833</b>

Công ty luôn sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản cố định được phân giao cụ thể đến bộ phận quản lý, sử dụng, hàng kỳ được trích khấu hao đầy đủ theo quy định; cuối kỳ thực hiện kiểm kê xác định nguyên nhân chênh lệch (nếu có). Các khoản nợ phải thu đều có đối chiếu công nợ, một số khoản phải thu khách hàng từ nhiều năm đã được trích lập dự phòng theo chế độ kế toán hiện hành. Trong kỳ giá trị hàng tồn kho cao, chủ yếu là chi phí dở dang tại công trình đang thi công dở dang chưa được nghiệm thu bàn giao; các khoản phải thu ngắn hạn khác đây chủ yếu là các khoản tạm ứng mới để mua vật tư thi công trình các công trình mà chưa đến kỳ hạn hoàn tạm ứng theo quy định hoặc do điều kiện thi công ở xa nên các đơn vị chưa hoàn tạm ứng kịp thời.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	TM	Số cuối kỳ 2024	Số đầu năm 2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>130.937.426.719</b>	<b>133.775.176.260</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>110.937.426.719</b>	<b>113.775.176.260</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		14.057.632.849	17.972.592.133
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.548.677.419	30.614.460.988
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		2.202.099.837	3.248.594.046
4. Phải trả người lao động	314		2.525.341.023	3.267.068.330
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		13.774.134.162	11.716.976.458
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		200.898.182	200.898.182
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		36.813.517.185	40.317.991.406
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		13.655.855.596	5.989.632.209
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		159.270.466	446.962.508
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			

<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		20.000.000.000	20.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>57.714.300.593</b>	<b>57.687.985.573</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>57.714.300.593</b>	<b>57.687.985.573</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>		<b>55.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.979.507.497	1.979.507.497
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>		<b>734.793.096</b>	<b>708.478.076</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		734.793.096	708.478.076
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>188.651.727.312</b>	<b>191.463.161.833</b>

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Cơ cấu các khoản nợ phải trả chủ yếu là người mua ứng trước tiền công trình, khoản vay dài hạn dùng góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân thực hiện dự án, các khoản nợ phải trả nhà cung cấp chưa đến hạn thanh toán, các khoản phải trả chi phí khoán công trình cho các Trung tâm, Tổ, Đội thi công.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Trong kỳ công ty không có nợ phải trả xấu, số dư ngoại tệ ít nên chênh lệch tỷ giá hối

doái nên không có ảnh hưởng lớn. Chi tiết các khoản phải thu phải trả xin xem chi tiết trong báo cáo tài chính năm 2024.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Để đáp ứng yêu cầu sản xuất của các đơn vị Công ty sắp xếp cơ cấu lại các phòng ban chức năng theo hướng tinh gọn, bổ nhiệm mới các chức danh quản lý tại các đơn vị trực thuộc, miễn nhiệm cán bộ không đảm bảo tiêu chuẩn để đáp ứng kịp thời nhu cầu công việc.

- Trong năm Công ty đã tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi một số quy chế, quy định nội bộ để phù hợp với mô hình hoạt động mới, rà soát bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ đúng quy định phục vụ công tác giới thiệu bổ nhiệm cán bộ. Cập nhật và phổ biến kịp thời các chế độ chính sách mới ban hành của Nhà nước đáp ứng nhu cầu sản xuất và công tác quản lý.

- Công ty đã ban hành và áp dụng thang bảng lương mới để đóng BHXH cho người lao động theo đúng quy định.

- Thực hiện chế độ đóng BHXH, BHTN, BHYT đầy đủ (tuy nhiên ở một số đơn vị do khó khăn về vốn nên tình trạng nợ đọng bảo hiểm vẫn còn tồn tại). Công ty đã quan tâm mua gói bảo hiểm con người kết hợp cho CBCNV trong toàn Công ty.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Tiếp tục phát huy thế mạnh ngành nghề truyền thống của Công ty đó là khảo sát, đo đạc và thí nghiệm kiểm định, tư vấn quản lý dự. Nghiên cứu thị trường, nắm bắt thời cơ đầu tư đẩy mạnh hoạt động các lĩnh vực xử lý nền móng, xây lắp...

- Tăng cường công tác giao dịch, mở rộng mối quan hệ với các đối tác để tìm kiếm nguồn công việc.

- Giao kế hoạch sản xuất cụ thể, phù hợp tới từng đơn vị, cá nhân đồng thời thường xuyên theo dõi đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị.

- Làm tốt công tác tư tưởng cho CBCNV đồng thời hoàn thiện cơ chế khoán hợp lý hơn để động viên, khuyến khích CBCNV trong công tác tìm kiếm việc làm.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ các thủ tục cấp phép tại các cơ quan quản lý Nhà nước để triển khai các hợp đồng đã ký kết.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có chuyên môn sâu về lý thuyết và thực tiễn để có thể đáp ứng tốt các yêu cầu kỹ thuật cao trong lĩnh vực địa kỹ thuật, xử lý nền móng công trình.

- Chỉ đạo thi công khoa học để đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết giảm tối đa chi phí sản xuất.

- Nghiên cứu đưa ra biện pháp để thu hồi công nợ có hiệu quả.

- Chú trọng công tác an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm.

- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm trong toàn Công ty.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trên, góp phần gia tăng giá trị sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ, linh hoạt, đưa ra biện pháp thi công tối ưu để chỉ đạo thi công các công trình lớn để đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

- Bồi dưỡng nâng cao hơn nữa năng lực trình độ quản lý điều hành Công

ty để đáp ứng kịp thời trong tình hình mới.

**5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Xem tại Phần II, mục 7 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Xem tại Phần II, mục 7 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Xem tại Phần II, mục 7 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- Năm 2024 là một năm có nhiều khó khăn thách thức đối với Công ty CP Khảo sát và Xây dựng-USCO. Nguồn công việc mới về khảo sát, đo đạc, thí nghiệm kiểm định trên thị trường đã ít, chịu sự cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt về giá dẫn đến những doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm, làm việc khoa học bài bản như Công ty USCO phải chịu nhiều áp lực làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Nhưng với sự đoàn kết một lòng của tập thể lãnh đạo, sự chia sẻ, gắn bó của toàn thể CBCNV toàn Công ty và sự ủng hộ nhiệt tình có hiệu quả của Tổng Công ty VNCC, Bộ Xây dựng, các bạn hàng, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn đặc biệt là lĩnh vực xây dựng.

- Đảng bộ Công ty đã làm tốt vai trò lãnh đạo toàn diện mọi mặt, chỉ đạo của tổ chức đảng trong các hoạt động SXKD và các hoạt động khác của Công ty.

- Công đoàn Công ty có nhiều hoạt động thể hiện tốt vai trò của tổ chức đoàn thể: Luôn động viên tinh thần người lao động, phối hợp cùng chuyên môn phát động các phong trào thi đua nâng cao năng suất và an toàn lao động. Chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của đoàn viên và người lao động tạo sự đoàn kết và tin tưởng vào sự ổn định và phát triển của công ty.

**3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

- Ban điều hành Công ty đã rất cố gắng thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cố gắng thực hiện kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Công tác thị trường, tìm kiếm công việc luôn được đẩy mạnh, có bước phát triển mạnh phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

- Trong năm 2024, Công ty đã và đang thực hiện được một số Hợp đồng kinh tế có giá trị cao. Việc thu hồi công nợ được chú trọng và thu nhiều kết quả. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền được phân cấp. Luôn báo cáo đầy đủ và chính xác các vấn đề phát sinh trình HĐQT; tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã từng bước phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh gắn gũi với ngành nghề truyền thống góp phần tạo việc làm, tăng doanh thu, lợi nhuận.

123  
TY  
ẤN  
TV  
G-  
PH

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2025.

- Chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt các vấn đề theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên.
- Chỉ đạo Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ giao.
- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Tiếp tục cập nhật, bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý, quy định nội bộ phù hợp với Công ty.
- Tiếp tục tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc để tăng để tăng tính chủ động đảm bảo sản xuất kinh doanh có lợi nhuận cao.
- Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu vẫn là Tư vấn Khảo sát xây dựng đồng thời mở rộng thêm lĩnh vực gắn gũi đó là thiết kế xây dựng, xử lý nền móng (Khoan phụt gia cố, chống thấm thân đập. Khoan cọc nhồi, Ép cọc...) và xây dựng hạ tầng.....
- Hoàn thiện nhanh các thủ tục pháp lý để triển khai đối với các dự án đầu tư xây dựng.
- Đảm bảo thu nhập, điều kiện làm việc cho người lao động. Thực hiện cơ chế khuyến khích, động viên để người lao động phát huy năng lực và gắn bó với Công ty.
- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông của Công ty.

### V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán (chi tiết xin xem trong Báo cáo kiểm toán đính kèm Báo cáo này).
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Th.s Nguyễn Trọng Hoàng





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Theo quyết định số 1190/QĐ -BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và Quyết định số 1526/QĐ-BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 15/5/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần thứ 08 ngày 15/5/2023 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Union Of Surver Construction Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt: USCO.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã USC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Văn Định	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên
Bà Trần Linh Trang	Thành viên
Ông Trần Mạnh Long	Thành viên
Ông Trần Ngọc Sang	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Lương Ngọc Sang	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Minh Thúy	Thành viên
Bà Lê Thị Chuyên	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Sang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, ✓



**Nguyễn Trọng Thoáng**  
**Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Số: 88/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO, được lập ngày 06 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2025

---

**Lưu Anh Tuấn****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2024-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>153.329.865.949</b>	<b>155.208.268.113</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>5.030.164.624</b>	<b>2.175.999.811</b>
1. Tiền	111		5.030.164.624	2.175.999.811
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	5.000.000.000	15.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>103.200.639.921</b>	<b>100.226.881.183</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	51.177.846.736	54.530.784.133
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	9.436.320.639	6.627.492.948
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	42.586.472.546	39.068.604.102
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>36.536.155.880</b>	<b>33.448.756.995</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	36.536.155.880	33.448.756.995
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.562.905.524</b>	<b>4.356.630.124</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.301.215.179	1.367.626.206
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.859.159.577	2.617.083.530
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	402.530.768	371.920.388
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>35.321.861.363</b>	<b>36.254.893.720</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	100.000.000	100.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.184.723.498</b>	<b>10.062.381.681</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	8.128.338.698	9.005.996.881
- Nguyên giá	222		61.067.436.275	61.067.436.275
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.939.097.577)	(52.061.439.394)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.056.384.800	1.056.384.800
- Nguyên giá	228		1.056.384.800	1.056.384.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>40.615.000</b>	<b>40.615.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.615.000	40.615.000
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>20.375.000.000</b>	<b>20.375.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		375.000.000	375.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.621.522.865</b>	<b>5.676.897.039</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	5.621.522.865	5.676.897.039
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>188.651.727.312</b>	<b>191.463.161.833</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>130.937.426.719</b>	<b>133.775.176.260</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>110.937.426.719</b>	<b>113.775.176.260</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	14.057.632.849	17.972.592.133
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	27.548.677.419	30.614.460.988
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.202.099.837	3.248.594.046
4. Phải trả người lao động	314		2.525.341.023	3.267.068.330
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	13.774.134.162	11.716.976.458
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	200.898.182	200.898.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	36.813.517.185	40.317.991.406
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	13.655.855.596	5.989.632.209
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		159.270.466	446.962.508
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>57.714.300.593</b>	<b>57.687.985.573</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>57.714.300.593</b>	<b>57.687.985.573</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.979.507.497	1.979.507.497
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		734.793.096	708.478.076
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		734.793.096	708.478.076
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>188.651.727.312</b>	<b>191.463.161.833</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Người lập

Triệu Thị Giang

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thoáng



### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	84.758.019.605	101.660.491.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		84.758.019.605	101.660.491.649
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	70.507.854.444	89.131.499.046
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		14.250.165.161	12.528.992.603
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	232.215.120	450.975.264
7. Chi phí tài chính	22	6.4	152.067.019	301.622.677
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		152.067.019	301.622.677
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.852.462.296	11.521.711.162
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.477.850.966	1.156.634.028
11. Thu nhập khác	31	6.6	58.201	5.528.907.456
12. Chi phí khác	32	6.6	447.534.238	5.607.887.430
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(447.476.037)	(78.979.974)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		1.030.374.929	1.077.654.054
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	295.581.833	369.175.978
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		734.793.096	708.478.076
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	133,60	110,00

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Triệu Thị Giang

Vũ Thị Thanh Huyền

Nguyễn Trọng Thoáng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.030.374.929	1.077.654.054
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		877.658.183	935.483.535
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(232.215.120)	(19.714.992)
- Chi phí lãi vay	06		152.067.019	301.622.677
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.827.885.011	2.295.045.274
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.353.629.929)	23.749.764.415
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.087.398.885)	16.567.923.053
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7.589.447.094)	(23.728.217.032)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		121.785.201	336.248.901
- Tiền lãi vay đã trả	14		(152.067.019)	(301.622.677)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(371.964.662)	(637.259.828)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.107.184.764	1.151.407.755
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.415.669.232)	(2.357.482.892)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(12.913.321.845)</b>	<b>17.075.806.969</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(15.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		232.215.120	19.714.992
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>10.232.215.120</b>	<b>(14.980.285.008)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		13.866.558.076	3.500.696.541
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.200.326.689)	(7.064.839.488)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.130.959.849)	(2.630.659.658)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>5.535.271.538</b>	<b>(6.194.802.605)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	50		<b>2.854.164.813</b>	<b>(4.099.280.644)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>2.175.999.811</b>	<b>6.275.280.455</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50+60)	70	5.1	<b>5.030.164.624</b>	<b>2.175.999.811</b>

Người lập



Triệu Thị Giang

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thoáng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Theo quyết định số 1190/QĐ-BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và Quyết định số 1526/QĐ-BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 15/5/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 15/5/2023 là 55.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Union Of Survey Construction Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt: USCO.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã USC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 153 người, tại ngày 01/01/2024 là 161 người.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Thiết kế công trình khai thác mỏ lộ thiên;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, dân cư;
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính;
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các công trình thoát nước và xử lý nước thải;
- Thí nghiệm mẫu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng;
- Thăm dò và khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Gia công, sửa chữa thiết bị vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Sản xuất vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và quản lý kinh doanh khai thác bến bãi đỗ xe;
- In các ấn phẩm phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty (không bao gồm hoạt động xuất bản);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ gồm phá hủy hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác;
- Làm sạch mặt bằng xây dựng;
- Vận chuyển đất: đào, lấp, sang mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng, thí nghiệm và xây dựng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty như sau:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng -USCO tại miền Trung;
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Nam;
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại T.p Hồ Chí Minh;
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco - Xí nghiệp Khảo sát và Xử lý nền móng;
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco - Xí nghiệp Khảo sát Đo đạc và Xây dựng;
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco - Xí nghiệp Khảo sát địa chất và Xây dựng;
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco - Xí nghiệp Khảo sát và Đầu tư Xây dựng;
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hà Nội;
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco -Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng;
10. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco -Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Quảng Ngãi;
11. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco -Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Trung.
12. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco -Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Phú Yên.

**1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết***

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b><u>Thời gian khấu hao</u></b> <b><u>(Số năm)</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

#### **Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### ***Lợi thế kinh doanh***

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về giá trị cho thuê cửa hàng, quầy hàng khách hàng trả trước tiền thuê; Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu, hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu và các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu dịch vụ khảo sát, thí nghiệm, Doanh thu xây lắp.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### *Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### *Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán*

Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn hoạt động xây lắp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính*

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là chi phí đi vay vốn.

#### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế khác*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

#### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là tư vấn khảo sát, xây dựng và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.185.862.814	816.068.766
Tiền gửi ngân hàng	3.844.301.810	1.359.931.045
<b>Tổng</b>	<b>5.030.164.624</b>	<b>2.175.999.811</b>

#### 5.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

Tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi trên 3 tháng ở các Ngân hàng Thương mại, với lãi suất từ 4,2% đến 5,4 %.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần AT	6.345.689.000	6.345.689.000
Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Đông Phong	5.497.112.864	-
Công ty CP xi măng VICEM Hoàng Mai	4.219.949.520	7.219.949.520
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	35.115.095.352	40.965.145.613
<b>Tổng</b>	<b>51.177.846.736</b>	<b>54.530.784.133</b>

**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi nhánh Sơn La - Công ty Cổ phần NO	1.271.144.984	1.271.144.984
Các đối tượng khác	8.165.175.655	5.356.347.964
<b>Tổng</b>	<b>9.436.320.639</b>	<b>6.627.492.948</b>

**5.5. Phải thu khác**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>42.586.472.546</b>	-	<b>39.068.604.102</b>	-
Phải thu người lao động	3.366.881.738	-	3.287.706.578	-
Tạm ứng	36.132.137.098	-	32.062.039.163	-
Các đối tượng khác	3.087.453.710	-	3.718.858.361	-
<b>Dài hạn</b>	<b>100.000.000</b>	-	<b>100.000.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>42.686.472.546</b>	-	<b>39.168.604.102</b>	-

**5.6. Hàng tồn kho**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	293.067.917	-	293.067.917	-
Công cụ, dụng cụ	130.437.540	-	136.437.540	-
Chi phí SX KDDD	36.112.650.423	-	33.019.251.538	-
<b>Tổng</b>	<b>36.536.155.880</b>	-	<b>33.448.756.995</b>	-

**5.7. Chi phí trả trước**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.301.215.179</b>	<b>1.367.626.206</b>
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	1.301.215.179	1.367.626.206
<b>Dài hạn</b>	<b>5.621.522.865</b>	<b>5.676.897.039</b>
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	5.621.522.865	5.676.897.039
<b>Tổng</b>	<b>6.922.738.044</b>	<b>7.044.523.245</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	35.357.413.074	16.253.066.150	9.133.471.596	323.485.455	61.067.436.275
Số dư tại 31/12/2024	<u>35.357.413.074</u>	<u>16.253.066.150</u>	<u>9.133.471.596</u>	<u>323.485.455</u>	<u>61.067.436.275</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	27.873.638.465	14.975.794.047	8.888.521.427	323.485.455	52.061.439.394
Tăng trong năm	661.085.161	153.655.217	62.917.805	-	877.658.183
Khấu hao trong năm	661.085.161	153.655.217	62.917.805	-	877.658.183
Số dư tại 31/12/2024	<u>28.534.723.626</u>	<u>15.129.449.264</u>	<u>8.951.439.232</u>	<u>323.485.455</u>	<u>52.939.097.577</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2024	7.483.774.609	1.277.272.103	244.950.169	-	9.005.996.881
Tại 31/12/2024	<u>6.822.689.448</u>	<u>1.123.616.886</u>	<u>182.032.364</u>	-	<u>8.128.338.698</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại thời điểm 31/12/2024 là 25.530.196.015 đồng, tại ngày 01/01/2024 là 25.530.196.015 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản đem đi thế chấp khoản vay Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2024 là 588.599.864 đồng, (tại ngày 01/01/2024 là 657.232.986 đồng).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	1.056.384.800	1.056.384.800
Số dư tại 31/12/2024	1.056.384.800	1.056.384.800
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	-	-
Số dư tại 31/12/2024	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2024	1.056.384.800	1.056.384.800
Tại 31/12/2024	1.056.384.800	1.056.384.800

Tài sản cố định vô hình của Công ty với trị giá 1.056.384.800 đồng là Quyền sử dụng đất lâu dài của Lô A89, tờ Bản đồ số 00 tại địa chỉ: Khu phố mới Tân Thạnh, phường Tân Thạnh, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và Số 187 Lê Thánh Tôn, phường 3, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

**5.10. Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)		Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
	Giá gốc	Dự phòng hợp lý	Giá gốc	Dự phòng		
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-		
Công ty Cổ phần Đầu tư - phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	40%	40%
Đầu tư dài hạn khác	375.000.000	-	375.000.000	-		
Công ty CP Bất động sản Lilama Land	375.000.000	-	375.000.000	-		
<b>Tổng</b>	20.375.000.000 (*)	-	20.375.000.000 (*)	-		

(\*) Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Xí nghiệp sản xuất cao su nhựa - KDTM Phương Viên	176.432.000	176.432.000	276.432.000	276.432.000
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	-	-	1.285.212.800	1.285.212.800
Công ty Cổ phần Xây dựng và bê tông Việt Xô	203.850.000	203.850.000	1.303.850.000	1.303.850.000
Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC	-	-	99.300.000	99.300.000
Công ty TNHH MTV Quản lý KD nhà TP.Hồ Chí Minh	2.250.000.000	2.250.000.000	2.212.402.949	2.212.402.949
Các đối tượng khác	11.427.350.849	11.427.350.849	12.795.394.384	12.795.394.384
<b>Tổng</b>	<b>14.057.632.849</b>	<b>14.057.632.849</b>	<b>17.972.592.133</b>	<b>17.972.592.133</b>

**5.12. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP xi măng Sông Lam	3.536.668.000	3.536.668.000
Công ty TNHH Long Sơn	-	5.415.000.000
Các đối tượng khác	24.012.009.419	21.662.792.988
<b>Tổng</b>	<b>27.548.677.419</b>	<b>30.614.460.988</b>

**5.13. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
<b>Phải nộp</b>	<b>3.248.594.046</b>	<b>5.927.298.553</b>	<b>6.973.792.762</b>	<b>2.202.099.837</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.581.990.880	2.118.463.737	2.669.217.542	1.031.237.075
Thuế thu nhập doanh nghiệp	369.175.978	352.750.357	371.964.662	349.961.673
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</i>	369.175.978	295.581.833	314.796.138	349.961.673
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước</i>	-	57.168.524	57.168.524	-
Thuế thu nhập cá nhân	231.381	109.218.321	48.509.831	60.939.871
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.288.603.859	3.092.036.746	3.683.172.960	697.467.645
Thuế Môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.591.948	240.829.392	186.927.767	62.493.573
<b>Phải thu</b>	<b>371.920.388</b>	-	<b>30.610.380</b>	<b>402.530.768</b>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	348.428.249	-	23.723.880	372.152.129
Thuế thu nhập cá nhân	10.348.048	-	6.886.500	17.234.548
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	13.144.091	-	-	13.144.091

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.14. Chi phí phải trả**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	13.774.134.162	11.716.976.458
Chi phí trích trước giá thành công trình	13.774.134.162	11.716.976.458
<b>Tổng</b>	<b>13.774.134.162</b>	<b>11.716.976.458</b>

**5.15. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	200.898.182	200.898.182
Doanh thu nhận trước	200.898.182	200.898.182
<b>Tổng</b>	<b>200.898.182</b>	<b>200.898.182</b>

**5.16. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	36.813.517.185	40.317.991.406
Kinh phí công đoàn	633.264.658	657.387.565
Bảo hiểm xã hội	2.080.008.900	2.532.481.398
Bảo hiểm y tế	239.901.866	196.286.930
Bảo hiểm thất nghiệp	119.017.321	99.632.903
Phải trả, phải nộp khác	33.741.324.440	36.832.202.610
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và xây dựng Tứ kỳ</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<i>Phải trả Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam</i>	<i>1.524.000.000</i>	<i>2.757.547.508</i>
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>85.562.772</i>	<i>- 595.010.621</i>
<i>Phải trả chi phí khoán công trình cho các Đội, Trung tâm và phải trả khác</i>	<i>27.131.761.668</i>	<i>28.479.644.481</i>
<b>Tổng</b>	<b>36.813.517.185</b>	<b>40.317.991.406</b>
<i>Trong đó phải trả bên liên quan trình bày tại thuyết minh (7.1)</i>	<i>1.524.000.000</i>	<i>2.757.547.508</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.17. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2024 (VND)		Phát sinh trong năm(VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>13.655.863.596</b>	<b>13.655.863.596</b>	<b>13.866.558.076</b>	<b>6.200.326.689</b>	<b>5.989.632.209</b>	<b>5.989.632.209</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (1)	8.047.283.119	8.047.283.119	13.286.558.076	5.239.274.957	-	-
Các đối tượng khác (2)	5.608.580.477	5.608.580.477	580.000.000	961.051.732	5.989.632.209	5.989.632.209
<i>Vay có lãi suất</i>	<i>321.688.468</i>	<i>321.688.468</i>	<i>580.000.000</i>	<i>961.051.732</i>	<i>702.740.200</i>	<i>702.740.200</i>
<i>Vay không lãi suất</i>	<i>5.286.892.009</i>	<i>5.286.892.009</i>	-	-	<i>5.286.892.009</i>	<i>5.286.892.009</i>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	-	-	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn VIDEA (3)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>33.655.863.596</b>	<b>33.655.863.596</b>	<b>13.866.558.076</b>	<b>6.200.326.689</b>	<b>25.989.632.209</b>	<b>25.989.632.209</b>

**Trong đó:**

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 59/2024/HDTD/BDI ngày 25 tháng 03 năm 2024; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay linh động theo từng lần nhận nợ; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh.  
Tài sản đảm bảo thế chấp khoản vay là các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trên đất tại Tổ dân phố số 8, Phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
- (2) Khoản vay không có lãi suất với số tiền 5.286.892.009 đồng là khoản Quyết toán quỹ lương trước thời điểm Cổ phần hóa, Cán bộ Công nhân viên cho Công ty tạm thời vay lại để hoạt động sản xuất kinh doanh, không có lãi suất và tài sản đảm bảo, khoản vay này được Công ty thanh toán dần cho Cán bộ công nhân viên. Một số khoản vay cá nhân khác, thời hạn vay 12 tháng và không có tài sản đảm bảo, lãi suất từ 8,4% đến 8,6%/năm.
- (3) Hợp đồng vay số 104/VIDEC-USCO ngày 18/12/2017, số tiền vay 20.000.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay trên 12 tháng, mục đích vay mua 2.000.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.18. Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	55.000.000.000	1.979.507.497	2.323.262.908	59.302.770.405
Tăng trong năm	-	-	708.478.076	708.478.076
Lãi trong năm trước	-	-	708.478.076	708.478.076
Giảm trong năm	-	-	(2.323.262.908)	(2.323.262.908)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(398.262.908)	(398.262.908)
Chia cổ tức	-	-	(1.925.000.000)	(1.925.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>1.979.507.497</b>	<b>708.478.076</b>	<b>57.687.985.573</b>
Số dư tại 01/01/2024	55.000.000.000	1.979.507.497	708.478.076	57.687.985.573
Tăng trong năm	-	-	734.793.096	734.793.096
Lãi trong năm nay	-	-	734.793.096	734.793.096
Giảm trong năm	-	-	(708.478.076)	(708.478.076)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(103.478.076)	(103.478.076)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(605.000.000)	(605.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>1.979.507.497</b>	<b>734.793.096</b>	<b>57.714.300.593</b>

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024 của Công ty, cụ thể:

- (i) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 15% lợi nhuận sau thuế năm 2023 tương đương 103.478.076 đồng;
- (ii) Chia cổ tức năm 2023 là 85% lợi nhuận sau thuế tương đương 605.000.000 đồng.

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	31.766.000.000	31.766.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	23.234.000.000	23.234.000.000
<b>Tổng</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>605.000.000</b>	<b>1.925.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.979.507.497	1.979.507.497

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	57.182.838.212	75.207.532.588
Doanh thu hoạt động xây lắp	27.575.181.393	26.452.959.061
<b>Tổng</b>	<b>84.758.019.605</b>	<b>101.660.491.649</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	44.725.058.924	63.355.896.354
Giá vốn hoạt động xây lắp	25.782.795.520	25.775.602.692
<b>Tổng</b>	<b>70.507.854.444</b>	<b>89.131.499.046</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	232.215.120	450.975.264
<b>Tổng</b>	<b>232.215.120</b>	<b>450.975.264</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	152.067.019	301.622.677
<b>Tổng</b>	<b>152.067.019</b>	<b>301.622.677</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>12.852.462.296</b>	<b>11.521.711.162</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.287.703.657	3.584.424.028
Chi phí vật liệu quản lý	25.806.250	38.393.558
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.866.670	30.495.419
Chi phí khấu hao TSCĐ	625.021.511	702.262.236
Thuế phí và lệ phí	1.802.608.701	294.234.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.798.465.082	2.707.415.526
Chi phí bằng tiền khác	4.297.990.425	4.164.486.337
<b>Tổng</b>	<b>12.852.462.296</b>	<b>11.521.711.162</b>

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập cho thuê địa điểm kinh doanh	-	5.528.635.118
Thu nhập khác	58.201	272.338
<b>Tổng</b>	<b>58.201</b>	<b>5.528.907.456</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	229.553.442	297.715.111
Lãi chậm nộp BHXH	151.582.452	151.260.925
Phạt vi phạm hành chính	7.000.000	-
Chi phí thuê nhà, địa điểm kinh doanh	-	5.042.501.033
Chi phí chậm nộp thuế đất nộp về Công ty	-	67.324.858
Chi án phí	-	42.068.671
Chi phí khác	59.398.344	7.016.832
<b>Tổng</b>	<b>447.534.238</b>	<b>5.607.887.430</b>
<b>Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(447.476.037)</b>	<b>(78.979.974)</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.030.374.929</b>	<b>1.077.654.054</b>
<b>Các khoản tăng thu nhập chịu thuế</b>	<b>447.534.236</b>	<b>768.225.837</b>
Chi phí không được trừ	66.398.342	277.181.130
Phạt chậm nộp thuế	229.553.442	297.715.111
Lãi chậm nộp BHXH	151.582.452	151.260.925
Chi án phí	-	42.068.671
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.477.909.165</b>	<b>1.845.879.891</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	295.581.833	369.175.978
<b>Tổng Thuế TNDN phải nộp năm hiện hành</b>	<b>295.581.833</b>	<b>369.175.978</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>734.793.096</b>	<b>708.478.076</b>
<i>Điều chỉnh giảm do trích quỹ KTPL</i>	-	<i>(103.478.076)</i>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>734.793.096</b>	<b>605.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>133,60</b>	<b>110,00</b>

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(\*) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên Báo cáo Năm 2023	Số trình bày lại Năm 2023	Chênh lệch
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>708.478.076</b>	<b>708.478.076</b>	-
<i>Điều chỉnh giảm do trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (VND)</i>	-	<i>(103.478.076)</i>	<i>(103.478.076)</i>
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>708.478.076</b>	<b>605.000.000</b>	<b>(103.478.076)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>128,81</b>	<b>110,00</b>	<b>(18,81)</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.760.974.278	12.931.161.546
Chi phí nhân công	28.837.473.235	21.203.408.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	877.658.183	935.483.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.876.027.076	19.209.443.677
Chi phí khác bằng tiền	47.741.965.720	20.862.810.430
<b>Tổng</b>	<b>161.094.098.492</b>	<b>75.142.307.598</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình vật liệu - CCBM	Công ty con, cùng chịu kiểm soát/ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam - CDC	Công ty con, cùng chịu kiểm soát/ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC	Công ty con, cùng chịu kiểm soát/ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn - CIC	Công ty liên kết, ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA LAND	Công ty liên kết, ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng Châu Á Thái Bình Dương - APECO	Công ty liên kết, ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	Công ty liên kết, ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	Công ty liên kết, ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Tân Cảng	Công ty liên kết, ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần kiểm định kỹ thuật, an toàn và tư vấn xây dựng - INCOSAF	Công ty liên kết, ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng tổng hợp - NAGECCO	Công ty liên kết, ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần nước và môi trường Việt Nam - VIWASE	Công ty liên kết, ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân	Công ty liên kết, ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ
Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cá nhân liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Ảnh hưởng đáng kể

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Thu nhập của Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác**

	Mối quan hệ	Chi tiết giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>				
Ông Vũ Văn Định	Chủ tịch	Lương và Thù lao	324.000.000	324.000.000
Ông Trần Mạnh Long	Thành viên	Thù lao	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Linh Trang	Thành viên	Thù lao	24.000.000	24.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>				
Ông Lương Ngọc Sang	Trưởng ban	Lương và Thù lao	276.000.000	276.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Thúy	Thành viên	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Chuyên	Thành viên	Thù lao	18.000.000	18.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>				
Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc,	Lương và Thù lao	312.000.000	312.000.000
Ông Trần Ngọc Sang	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Lương và Thù lao	276.000.000	276.000.000
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thù lao	276.000.000	276.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>				
Bà Vũ Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	Lương	276.000.000	276.000.000
<b>Tổng</b>			<b>1.824.000.000</b>	<b>1.824.000.000</b>

**Các giao dịch khác với bên liên quan**

	Mối quan hệ	Chi tiết giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Tiền cổ tức	349.426.000	1.016.512.000
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Thù lao	24.000.000	24.000.000
Ông Lương Ngọc Sang	TB Kiểm soát	Tiền cho vay	-	100.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Số dư với Các bên liên quan khác**

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	Chi tiết giao dịch	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>Phải trả khác</b>			<b>1.524.000.000</b>	<b>2.757.547.508</b>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Lợi nhuận phải trả	1.500.000.000	1.717.035.508
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần		Cổ tức phải trả	-	1.016.512.000
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Phải trả khác	24.000.000	24.000.000

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Triệu Thị Giang

Vũ Thị Thanh Huyền

Nguyễn Trọng Thoáng